

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PBDA	7:25	17+2	0+0		12+9	0+0	chuyen 1 savr pobeda
2		P8+BK21	7:25	19+3	0+0		17+5	0+0	chuyen 1 p8-bk21
3		P6+BK20+RP3	7:25	18+1+1	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
4		TTC1+TTC2+TD3	7:25	6+7+4	0+0+0		6+5+8	0+0+0	chuyen 6 ttc1-ttc2
5		PBDA	9:25	20	0		22	0	
6		PVD8+SAVR	9:25	5+15	0+0		2+18	0+0	
7		PVD8	9:25	22	0		22	0	
8		BK19+P6+P9	11:40	6+13+2	0+0+0		4+16+2	0+0+0	
9		TTC3+TTC2+BK15	11:40	9+3+8	0+0+0		3+1+18	0+0+0	
10		PBDA+P6+P8	11:40	4+4+13	0+0+0		1+6+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P6-6ng, P8-7ng, TTC2-1ng, Savr (KTRN)-2ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: <i>Vàng</i> -1	TO: SAVR - PBDA	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/2687		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG TRUNG KIÊN	SAVR	03-04	2	16			68	PVD-BH	Vietnamese
2	LÊ HẢI	SAVR	16-17	2	14			83	PVD LOGGING	Vietnamese
3	HUỖNH VĂN VĨNH PHƯỚC	SAVR	18-19	2	16			91	PVD LOGGING	Vietnamese
4	BÙI XUÂN HIỆN	SAVR	20	1	9			71	PVD LOGGING	Vietnamese
5	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	SAVR	24-25	2	15			87	PVD LOGGING	Vietnamese
6	LÊ VĂN ĐỨC	SAVR	12	1	6			63	SGC	Vietnamese
7	ĐỖ XUÂN CÔNG	SAVR	13	1	8			53	SGC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KIỆM	SAVR	15	1	11			73	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG LONG	SAVR	29	1	10			92	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	SAVR	23	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	PENG RAOSHENG	SAVR	21-22	2	20			63	BAKER HUGHES	Chinese
12	GODIONENKO OLEG	SAVR	14	1	10			85	AMHGP	Russian
13	IURIN VLADIMIR	SAVR	07	1	10			78	AMHGP	Russian
14	GUKOV IVAN	SAVR	10-11	2	16			97	AMHGP	Russian
15	NOSULETSKII ANTON	SAVR	08-09	2	20	1	8	79	AMHGP	Russian
16	KIZIN DMITRII	SAVR	26-27	2	7	1	19	97	AMHGP	Russian
17	MAMATOV DENIS	SAVR	05-06	2	13			89	AMHGP	Russian
18	BÙI MẠNH PHÚC	PBDA	39	1	5			78	ПБИКРС	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THANH DÂN	PBDA	94-95	2	19			77	HALLIBURTON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.334	26	207	2	27	12	1	CHUYỂN 01 PAX SAVR SANG PBDA
2	PBDA	2	155	3	24	0	0	9		
TOTAL		19	1.489	29	231	2	27	21		
WEIGHT KG			1.489		231		27			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P8 - BK21	CREW: LINH - TTRUNG - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/2690		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	P8	20	1	4			74	PV COLLEGE	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM THÁI	P8						67	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	P8						75	D-HANH	Vietnamese
4	KOZLOV IURII	P8						99	D-HANH	Russian
5	BÙI ANH SƠN	P8						64	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P8	18	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P8	21	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	19	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	22	1	7	4	25	77	KH-THAC	Vietnamese
10	THÁI TRỌNG BÌNH	P8	71	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TUẤN ANH	P8						68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	P8						66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	P8	23-24	2	12			89	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HÓA	P8	25	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P8						62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC CHUNG	P8	26	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	32	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	27	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	P8						77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	BK21	85	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK21	82-84	3	11	1	16	71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THAO	BK21	81,99	2	15			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	19	1.428	12	93	4	25	17	1	CHUYỂN 1 PAX P8-BK21
2	BK21	3	224	6	38	1	16	5		
TOTAL		22	1.652	18	131	5	41	22		
WEIGHT KG			1.652		131		41			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: P6 - BK20 - RP3	CREW: HÙNG - CHIẾN - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2693	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	P6	26	1	5	2	20	88	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
2	VŨ VĂN TOÀN	P6	20	1	3	1	15	71	D-HANH	Vietnamese
3	LAZAREV A	P6	32	1	5			83	KH-THAC	Russian
4	KISELEV IGOR	P6	30-31	2	10			99	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VĂN SÁU	P6	29	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN HOAN	P6	21	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	25	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIẾU	P6	23-24	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	36	1	18	1	16	85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ QUANG TỔ	P6	16-17	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DŨNG	P6						96	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HẢI KIÊN	P6						78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P6						62	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÒA	P6						97	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	P6	22	1	8			68	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HUY	P6	33	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ DUY ĐÔNG	P6						88	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	18-19	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN XUÂN	BK20	73	1	5	2	35	74	DK9	Vietnamese
20	KUSHENKO N	RP3	59-60	2	16	3	28	76	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	18	1.426	17	114	4	51	14		
2	BK20	1	74	1	5	2	35	2		
3	RP3	1	76	2	16	3	28	6		
TOTAL		20	1.576	20	135	9	114	22		
WEIGHT KG			1.576		135		114			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: NAU-1	TO: TTC1 - TTC2 - TD3	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2696	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	47	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DUY ANH	TTC1	48-49	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
3	BÙI THẾ ƯU	TTC1	51	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	TTC1	52-53	2	20			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG QUỐC MẠNH	TTC1	54	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	TTC1	50	1	4			66	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH QUÂN	TTC2	90	1	5	3	45	62	SGC	Vietnamese
8	PHÙNG MINH HIỆU	TTC2	91	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯ TRẦN HÙNG	TTC2	87	1	19	1	4	81	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TIẾN QUÝ	TTC2	89	1	4			76	PSV	Vietnamese
11	LÊ PHƯƠNG	TTC2	41	1	5			53	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VIỆT HUÂN	TTC2	84	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN TÁM	TTC2	85	1	11	1	15	63	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI THÁI QUÍ	TD3	47	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
15	BÙI TIẾN THÀNH	TD3	48	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	49	1	16			72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN DUY ĐỨC	TD3	50	1	13			83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	6	413	8	50	0	0	6		CHUYỂN 6 PAX TỪ TTC1 - TTC2
2	TTC2	7	483	7	62	5	64	5		
3	TD3	4	317	4	49	0	0	8		
TOTAL		17	1.213	19	161	5	64	19		
WEIGHT KG			1.213		161		64			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PBDA	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2688		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PBDA	97-98	2	15			78	DVL	Vietnamese
2	VŨ VĂN TRUNG	PBDA	95-96	2	22			77	DVL	Vietnamese
3	ĐỖ THÀNH TIỀN	PBDA	94	1	14			80	DVL	Vietnamese
4	LƯU BÁ XÔ	PBDA	01-99	2	15			82	DVL	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN THÁI	PBDA	93	1	14			67	DVL	Vietnamese
6	TIKHONOV DMITRII	PBDA	73-74	2	20			89	AMHTP	Russian
7	NIKULIN DENIS	PBDA	88-89	2	18			132	AMHTP	Russian
8	ZHESTKOV IGOR	PBDA	77	1	10			115	AMHTP	Russian
9	ABRAMKIN VITALII	PBDA	75-76	2	12			93	AMHTP	Russian
10	GUMIROV NIKOLAI	PBDA	80-81	2	20			92	AMHTP	Russian
11	KADATOV MIKHAIL	PBDA	84	1	14			71	AMHTP	Russian
12	SHPILEVOI KIRILL	PBDA	78-79	2	21			85	AMHTP	Russian
13	GUBA MAKSIM	PBDA	71-72	2	18			83	AMHTP	Russian
14	KULIKOV ANTON	PBDA	82-83	2	12			88	AMHTP	Russian
15	DEREVENSKII PAVEL	PBDA	67-68	2	10			106	AMHTP	Russian
16	ELAGIN ANDREI	PBDA	92	1	9			109	AMHTP	Russian
17	KOROBKA DMITRY	PBDA	85-86	2	10			87	AMHTP	Russian
18	SIVACHUK DMITRII	PBDA	69-70	2	15			110	AMHTP	Russian
19	IBRAGIMOV KAMIL	PBDA	87	1	9			78	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	19	1.722	32	278	0	0	22		
TOTAL		19	1.722	32	278	0	0	22		
WEIGHT KG			1.722		278		0			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGHIÊM VIỆT ANH



Dị kiện bỏ 2 vali lên ghế' rỗng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - SAVR	CREW: LINH - TTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/2691		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD8	66	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THAO	PVD8	68	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG QUỐC BẢO	PVD8	70	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐẠI THÀNH	PVD8	69	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO QUANG THIẾT	PVD8	67	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
6	GOLOVIN KONSTANTIN	SAVR	64	1	10			110	AMHTP	Russian
7	PODGOROV IVAN	SAVR	67	1	7			89	AMHTP	Russian
8	TERESHONOK MAXIM	SAVR	62-63	2	14			83	AMHTP	Russian
9	LEBED DMITRII	SAVR	65-66	2	20			68	AMHTP	Russian
10	KORSHUNOV SERGEY	SAVR	68-69	2	13			96	AMHTP	Russian
11	SUKHIN VIACHESLAV	SAVR	70-71	2	12			80	AMHTP	Russian
12	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	SAVR	59	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH HIẾU	SAVR	51	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH ĐỨC	SAVR	57	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHÍ CƯỜNG	SAVR	50	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN CƯỜNG	SAVR	60-61	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO QUANG HUNG	SAVR	56	1	9			114	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM THÀNH DUY	SAVR	55	1	6			83	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN HẢI ĐĂNG	SAVR	58	1	4			64	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN HỢP	SAVR	53-54	2	14			64	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	349	5	21	0	0	2		
2	SAVR	15	1.215	21	147	0	0	18		Tháo 2 ghế chỗ hàng 120
TOTAL		20	1.564	26	168	0	0	20		<đai vệ>
WEIGHT KG			1.564		168		0			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8	CREW: HÙNG - CHIẾN - TOÀN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/2694	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN NGHĨA	PVD8	29	1	16	2	25	85	DVL	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC HÙNG	PVD8	31-32	2	11	2	40	69	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN CHÍ LINH	PVD8	33	1	8			79	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HIỆP	PVD8	35	1	15			78	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUẬT	PVD8	34	1	15			81	DVL	Vietnamese
6	MỸ DUY TÙNG	PVD8	30	1	10			67	DVL	Vietnamese
7	VƯƠNG VĂN THÔNG	PVD8	41-42	2	9			67	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DU	PVD8	37	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	39	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
10	DOÃN ĐÌNH PHÁC	PVD8						75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CAO MẠNH	PVD8	40	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	PVD8	45-46	2	19			86	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM TRỌNG ĐẠI	PVD8	36	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TUẤN ANH	PVD8	43-44	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
15	BÙI THỌ DŨNG	PVD8	47	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LONG	PVD8	51	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	PVD8	48-49	2	13	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG MẠNH HÙNG	PVD8	38	1	6			85	GETRACO	Vietnamese
19	ĐÌNH ANH DŨNG	PVD8	53	1	4			76	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	PVD8	54	1	4			61	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM THẾ DƯƠNG	PVD8	52	1	4			57	GETRACO	Vietnamese
22	VÔ HỮU VƯƠNG	PVD8	55	1	10			65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	22	1.579	26	195	5	75	22		
TOTAL		22	1.579	26	195	5	75	22		
WEIGHT KG			1.579		195		75			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK19 - P6 - P9	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/2689	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ MINH TOÀN	BK19	15-16	2	15	2	30	116	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH HUY	BK19	17	1	11	1	14	87	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HỮU CHÍNH	BK19	19	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG THÁI ANH	BK19	20	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	BK19	14	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỀU VĂN TUẤN	BK19	13	1	4			77	PSV	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG GIANG	P6	72	1	3	2	40	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH CHUNG	P6	82	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THÁI	P6	79	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH THẮNG	P6	84	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO KIM SÂM	P6	78	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	83	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HUY	P6	77	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6						65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LONG	P6	85	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ QUANG TRUNG	P6	80-81	2	20			52	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG VINH	P6	76	1	9			75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	P6						76	PSV	Vietnamese
19	LÊ MINH HOÀN	P6	51	1	6			77	PSV	Vietnamese
20	NGÔ ĐỨC MINH	P9	89	1	3	1	16	74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN QUỐC VIỆT	P9	88	1	8			98	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	6	491	7	49	3	44	4		
2	P6	13	884	12	87	2	40	16		
3	P9	2	172	2	11	1	16	2		
TOTAL		21	1.547	21	147	6	100	22		
WEIGHT KG			1.547		147		100			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TTC3 - TTC2 - BK15	CREW: QVIỆT - SON - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/2692	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	43	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	TTC3	47	1	8			59	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VIỆT	TTC3	44	1	11	1	17	69	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	TTC3	54-55	2	18	3	60	63	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN MẠNH	TTC3	41-42	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TỬ ANH	TTC3	46	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ DANH NGỌC	TTC3	49-50	2	20			81	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN ĐỖ CHÂU TUẤN	TTC3	48,53	2	18			102	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	TTC3	51	1	12	1	15	73	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG HỮU TRỌNG	TTC2	23	1	14			70	CODIEN	Vietnamese
11	CAO XUÂN DŨNG	TTC2	24	1	13	2	17	72	CODIEN	Vietnamese
12	BUI VAN TUAN	TTC2						56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HOÀNG SƠN	BK15	57	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	58	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ XUÂN ĐẠT	BK15	56	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU TIẾN THÀNH	BK15	53	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHÍ CÔNG	BK15	54-55	2	18			94	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TUẤN ANH	BK15	52	1	10	6	72	90	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG PHÚ	BK15	51	1	9			81	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	9	649	13	107	5	92	3		
2	TTC2	3	198	2	27	2	17	1		
3	BK15	7	539	8	73	6	72	18		
TOTAL		19	1.386	23	207	13	181	22		
WEIGHT KG			1.386		207		181			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 18/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: HONG-3	TO: PBDA - P6 - P8	CREW: KHOÀN - VTHẮNG - DTÙNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2695	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHANIPOV ILVIR	PBDA				1	24	95	AMHGP	Russian
2	KAPRIZOV ALEKSEI	PBDA	88	1	11			109	AMHGP	Russian
3	ALEKSANDR GRIGOREV	PBDA	91	1	12			69	AMHGP	Russian
4	DIUZHAEV VLADIMIR	PBDA	89-90	2	13			73	AMHGP	Russian
5	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	71	1	5	1	15	70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	74	1	7			59	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG ANH ĐẠT	P6	72	1	10			90	PSV	Vietnamese
8	HÀ XUÂN THÀNH	P6	73	1	5			115	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG TRÍ NAM	P8						85	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8						66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	63	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG THẮNG	P8	64	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH THUẬN	P8	59	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	60	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	P8	65	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN CƯỜNG	P8	62	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	58	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	61	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI DUY TÂN	P8	70-71	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG ĐỨC PHONG	P8	68-69	2	20			85	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P8	66-67	2	16	1	20	91	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	4	346	4	36	1	24	1		
2	P6	4	334	4	27	1	15	6		
3	P8	13	950	14	98	1	20	15		
TOTAL		21	1.630	22	161	3	59	22		
WEIGHT KG			1.630		161		59			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGÔ VĂN THẮNG

